

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+P4+TTC1	7:25	13+0+8	0+0+0		12+0+7	0+0+0	CHUYEN 1 P6- TTC1CHUYEN 1 P4-TTC1
2		KTRN+KNT	7:25	6+15	0+0		5+16	0+0	
3		TTC3+TTC2+MRM	7:25	10+7+5	0+0+0		5+7+5	0+0+0	
4		AMD	9:00	11			11		DIEU TRA DOT TU AMD
5		BK19+P8	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
6		BK15+CTK3+BK8	9:25	16+0+1	0+0+0		7+5+3	0+0+0	CHUYEN 8 CTK3-BK8
7		KNT+KTRN+P8	9:25	9+7+4	0+0+0		6+2+13	0+0+0	
8		BK3+TD5+TTC2	11:25	11+6+4	0+0+0		9+4+7	0+0+0	
9		P6+P9	11:25	18+1	0+0		19+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY p6-3NG, tt2-4NG, KTRN-1NG. VNHS



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P6 - P4 - TTC1	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3130	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	P6	99,100	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
2	VĂN MINH TÂN	P6	04	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DƯƠNG HOE	P6	94	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH HAO	P6	95	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	01	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P6	92-93	2	15			56	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN BANG	P6	97-98	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TUẤN	P6	02-03	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI MẠNH KHANH CUÔNG	P6	05-06	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TOÀN	P6	96	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DŨNG	P6						94	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P6						60	NIPI	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HOA	P6						94	NIPI	Vietnamese
14	VŨ XUÂN QUY	TTC1	84	1	5			100	KH-THAC	Vietnamese
15	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	94	1	3			112	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HÙNG TUẤN	TTC1	83	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TRUNG THỦY	TTC1	85	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	82	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH QUANG	TTC1	86-87	2	19			71	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC DŨNG	TTC1	88	1	13	5	86	83	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	81	1	5			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	13	938	15	104	0	0	12	+ 1	CHUYỂN 01 PAX TỪ P6 SANG TTC1
2	P4	0	0	0	0	0	0	0	+ 1	CHUYỂN 01 PAX TỪ P4-TTC1
3	TTC1	8	661	9	61	5	86	7		
TOTAL		21	1.599	24	165	5	86	19		
WEIGHT KG			1.599		165		86			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:KTRN - KNT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3133	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	KTRN	41	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ PHẠM MINH QUÂN	KTRN						70	SANBAY	Vietnamese
3	LÊ ANH VŨ	KTRN	37-38	2	20			79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DAN	KTRN	42	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG VAN THANH	KTRN	39-40	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIÊN	KTRN	67	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY KHANH	KNT	53-54	2	14	4	54	67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG CÔNG THỊNH	KNT	47	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔNG TRUNG HUY	KNT	58-60	3	20			73	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN TUẤN	KNT	62	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG LINH	KNT	44	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
12	LY BĂNG	KNT	57	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN LÂN	KNT	45	1	6			67	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH DUY AN	KNT	49	1	6			74	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN KHÁNH DUY	KNT	46	1	4			68	GETRACO	Vietnamese
16	BUI VIỆT PHƯƠNG	KNT	48	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUANG PHƯỚC	KNT	61	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	KNT						71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH QUÂN	KNT	55-56	2	9			79	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO ĐÌNH HUY	KNT	51-52	2	11			85	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MINH HAI	KNT	50	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KTRN	6	426	7	58	0	0	5		
2	KNT	15	1.084	19	128	4	54	16		
TOTAL		21	1.510	26	186	4	54	21		
WEIGHT KG			1.510		186		54			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TTC3 - TTC2 - MRM	CREW: NAM - VTHẮNG - HUY	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3136	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BACH ANH TUAN	TTC3	55	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ TIÊN DUNG	TTC3	58	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRUNG HAU	TTC3	62	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU DUNG	TTC3	61	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH VINH	TTC3	59	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HOA	TTC3	60	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VŨ HUNG	TTC3	64-65	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH QUANG	TTC3	57	1	12	1	10	75	CODIEN	Vietnamese
9	BUI ĐỨC HẬU	TTC3	63	1	10	3	32	65	CODIEN	Vietnamese
10	PHAN XUAN HOA	TTC3						70	PSV	Vietnamese
11	PEREKRESTOV P.V	TTC2	26	1	2			106	D-HANH	Russian
12	LÊ HOANG LONG	TTC2	28	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
13	MIRSAIAPOV R.	TTC2	31	1	3			103	KH-THAC	Russian
14	LÊ TUẤN ANH	TTC2						67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH BÌNH	TTC2	29	1	2			82	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG AN	TTC2	27	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
17	BELAIEV S.A.	MRM	70	1	14			82	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN QUỐC KHÔI	MRM	73-74	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THAI THANH	MRM	71-72	2	18	3	42	80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRUNG	MRM	75	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	MRM	76	1	16			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC3	10	685	10	76	4	42	5		
2	TTC2	6	519	5	23	0	0	7		
3	MRM	5	382	7	81	3	42	5		
TOTAL		21	1.586	22	180	7	84	17		
WEIGHT KG			1.586		180		84			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN THẮNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK19 - P8	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3131	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN ĐOÀ	BK19	84	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUẤN	BK19	85	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CAO MONG	BK19	83	1	7	3	50	89	PSV	Vietnamese
4	ĐINH QUANG TRUNG	P8	24	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THẮNG	P8	12	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH TRI	P8	03-04	2	9			60	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG HIẾN	P8	08-09	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THẾ CHINH	P8	05	1	10			56	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN ĐÓN	P8	17	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CHÂU NAM	P8	10	1	12			88	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÂN	P8	300	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TỬ THĂNG	P8	01-02	2	12			61	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	16	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	13-14	2	17			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	20	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	22	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TRUNG	P8	07	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	06	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM HUY	P8	18-19	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	11	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
21	KRAPIVKA V.S.	P8	21	1	6			94	KH-THAC	Russian
22	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	15	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	3	219	3	24	3	50	0		
2	P8	19	1.351	24	155	0	0	22		
TOTAL		22	1.570	27	179	3	50	22		
WEIGHT KG			1.570		179		50			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK15 - CTK3 - BK8	CREW: HUNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3134	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	10	1	6	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN CHUNG	BK15	15-16	2	16			79	ANTOAN	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG QUÂN	BK15	14	1	6			75	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CHÁNH	BK15	01	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	BK15	02	1	11			90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK15	12	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	BK15	13	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	07	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	03	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG HOÀN	BK15	09	1	4			76	TTAT	Vietnamese
11	NGUYỄN AN BÌNH	BK15	11	1	3			70	D-HANH	Vietnamese
12	PHAN TÁT THĂNG	BK15						68	D-HANH	Vietnamese
13	BUI ANH SƠN	BK15	04	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THO	BK15	06	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHÂU	BK15	05	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	BK15	08	1	6			70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	66	1	4	5	100	49	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TRƯỞNG GIANG	BK8	19-20	2	20			68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	16	1.153	16	96	2	30	7		
2	CTK3	1	49	1	4	5	100	6 + 7	CHUYEN 8 PAX CTK3-BK8	
3	BK8	1	68	2	20	0	0	3		
TOTAL		18	1.270	19	120	7	130	16		
WEIGHT KG			1.270		120		130			

GRAND TOAL: 1.520 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:KNT - KTRN - P8	CREW: NAM - VTHANG - HUY	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3137	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN THUY	KNT	02-03	2	18			59	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HOANG	KNT	06	1	6			93	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT TRƯỞNG	KNT	05	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUANG	KNT	04	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TIẾN	KNT	08	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THE ANH	KNT	10-11	2	17			71	PHONG CAI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾN	KNT	07	1	12			74	CODIEN	Vietnamese
8	MẠNH TRƯỞNG KHOA	KNT	09	1	6	2	14	73	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DUC	KTRN	85	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGOC DAO	KTRN	81-82	2	18			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HOAN	KTRN	75	1	5	1	17	86	DVL	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH HƯƠNG	KTRN	77,79	2	13	1	13	60	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH THAO	KTRN	76	1	13			66	DVL	Vietnamese
14	VŨ ANH TRỌNG	KTRN	74,78	2	17			67	DVL	Vietnamese
15	ĐÀO HAI NAM	KTRN	83-84	2	15			68	NIPI	Vietnamese
16	HOANG NGUYỄN HUY NGUYỄN	P8	78	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	79-81	3	15			72	YTE	Vietnamese
18	HA VAN THIEN	P8	82	1	7			74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUNG	P8	72	1	9			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	8	576	10	82	2	14	6		
2	KTRN	7	491	11	94	2	30	2		
3	P8	4	302	6	34	0	0	13		
TOTAL		19	1.369	27	210	4	44	21		
WEIGHT KG			1.369		210		44			

GRAND TOTAL: 1.623 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN THẮNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 645	ETD: 09:15
B.CARD: NAU-2	TO:AMD(+1,5h)	CREW: CÔNG - LINH - HTUẤN	ETA: 12:30
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/3140	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG NGOC ĐẠO	AMD				1	40	71	CÔNG AN	Vietnamese
2	ĐỖ NGỌC KHÁNH	AMD						71	CÔNG AN	Vietnamese
3	BUI ĐỨC PHU	AMD						69	CÔNG AN	Vietnamese
4	TẠ ANH TUẤN	AMD						77	CÔNG AN	Vietnamese
5	VŨ ĐỨC TOÀN	AMD						73	CÔNG AN	Vietnamese
6	LƯƠNG NGỌC TU	AMD						55	VKS	Vietnamese
7	HOANG THỊ HUƠNG	AMD						57	VKS	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC ANH TUẤN	AMD	71	1	3			71	VSP	Vietnamese
9	TRẦN QUANG NGUYEN	AMD						62	VSP	Vietnamese
10	TRẦN THỊ THANH	AMD						51	NGƯỜI NHÀ	Vietnamese
11	LÊ TRẦN NGỌC TU	AMD						75	NGƯỜI NHÀ	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	11	732	1	3	1	40	11	THÁO 04 GHẾ CHỖ CẢNG	
TOTAL		11	732	1	3	1	40	11		
WEIGHT KG			732		3		40			

GRAND TOAL: 775 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

CAO VĂN CÔNG

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK3 - TD5 - TTC2	CREW: KHOÀN - NPHÚ - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3132	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ QUANG HIỆP	BK3	19-20	2	10			66	DK9	Vietnamese
2	HOÀNG ĐÌNH VINH	BK3	11	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ	BK3	09-10	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÀO MINH TIẾN	BK3	17	1	10	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
5	PHI ĐỨC THỊNH	BK3	08	1	9			58	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DIỄN	BK3	03	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC ĐĂNG	BK3	04	1	8	1	16	74	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN TUẤN	BK3	600	1	12	1	10	67	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK3	06-07	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÌNH THANH BÌNH	BK3	02	1	13			73	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÌNH CHÍ CÔNG	TD5	82	1	14			64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH PHÚC	TD5	91	1	7	2	20	68	KHOAN	Vietnamese
13	HÀ TRUNG ĐÔNG	TD5	83-84	2	10			76	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD5	67-68	2	5			71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG TRỌNG PHÚC	TD5	89-90	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ CÔNG TẠNH	TD5	85-86	2	14			64	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	32-33	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
18	VÕ NGỌC THAI SƠN	TTC2	88	1	15	2	35	75	CODIEN	Vietnamese
19	HƯA HÙNG SƠN	TTC2	36	1	12	1	14	70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	35	1	4			74	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN THUC	TTC2	34	1	7			50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	10	680	13	118	3	41	9		
2	TD5	6	410	10	64	2	20	4		
3	TTC2	5	346	6	50	3	49	8		
TOTAL		21	1.436	29	232	8	110	21		
WEIGHT KG			1.436		232		110			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P6 - P9	CREW: VIỆT - N.ANH - NNAM	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3135	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG NAM PHƯƠNG	P6	14	1	9	2	32	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	P6	02	1	17	7	76	64	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THANH LONG	P6	13	1	5	6	106	86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT DUNG	P6	12	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÂM GIANG	P6	01	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC AN	P6	15	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	11	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG BACH	P6	08	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO MINH HOANG	P6	04	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HUY THÔNG	P6	21	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HUẤN	P6	05	1	5			49	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	20	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC KHANH	P6	10	1	7	1	6	82	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P6	22	1	5			66	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P6	06	1	9			65	PSV	Vietnamese
16	HOANG VĂN TRỌNG	P6	07	1	5			94	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	P6	09	1	7			54	PSV	Vietnamese
18	HOANG HUU THO	P9	28	1	4			72	PSV	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TIN	P9	29	1	10	3	25	58	THIEN NAM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	17	1.210	17	120	16	220	19		
2	P9	2	130	2	14	3	25	2		
TOTAL		19	1.340	19	134	19	245	21		
WEIGHT KG			1.340		134		245			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH

Xin chốt 04 thùng rau lên ghế